



DOI:10.22144/ctu.jvn.2021.055

THƠ ĐƯỜNG XA CỦA NGUYỄN DUY - ĐI XA VÀ NHÌN VỀ

Nguyễn Thị Hồng Hạnh*

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Thị Hồng Hạnh (email: nthhanh@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 24/10/2020

Ngày nhận bài sửa: 21/11/2020

Ngày duyệt đăng: 28/04/2021

Title:

Nguyen Duy's Duong xa poems – Go far and look back

Từ khóa:

Thơ Đường xa, Nguyễn Duy, đi xa, nhìn về

Keywords:

Duong xa poems, Nguyen Duy, go far, look back

ABSTRACT

Duong xa poems is a part of Nguyen Duy Poetry Collection, a collection of poems composed when poet Nguyen Duy went abroad, mainly in the 80s - 90s of the twentieth century. These poems have recorded new things that the poet Nguyen Duy observes and discovers on new lands, at the same time, conceals indelible impressions, creating unexpected, interesting associations and motivating deep thoughts. Nguyen Duy's Poetry of Duong xa, therefore, both expresses an open mind, a spirit of international integration, and a deep introverted spirit, a spirit full of responsibility towards the nation.

TÓM TẮT

Thơ Đường xa là một phần của Tuyển tập Thơ Nguyễn Duy, tập hợp những bài thơ được sáng tác khi nhà thơ Nguyễn Duy xuất ngoại, chủ yếu vào thập niên 80 - 90 của thế kỉ XX. Những bài thơ ấy đã ghi nhận những điều mới lạ mà nhà thơ quan sát, khám phá trên những miền đất mới, đồng thời lưu dấu những ấn tượng khó phai, tạo nên những liên tưởng bất ngờ, thú vị và thúc đẩy những suy nghiệm sâu sắc. Thơ Đường xa của Nguyễn Duy, do đó, vừa thể hiện một tâm hồn cởi mở, một tinh thần hội nhập quốc tế vừa thể hiện một tâm hồn hướng nội sâu sắc, một tinh thần đầy trách nhiệm với dân tộc.

1. MỞ ĐẦU

Nguyễn Duy sinh năm 1948 tại Thanh Hóa. Ông làm thơ từ những năm còn học trung học phổ thông và đã đạt giải thưởng về thơ của tuần báo Văn nghệ năm 1973. Trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ, ông trở thành gương mặt tiêu biểu của lớp nhà thơ trẻ chống Mỹ cứu nước. Ông đã được trao giải thưởng loại A về thơ của Hội Nhà Văn Việt Nam năm 1985. Năm 2007, ông vinh dự đón nhận Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. Ông còn viết tiểu thuyết, kịch và kí, nhưng thành tựu chủ yếu của ông thuộc về thơ. Tính đến nay, ông có khoảng 14 tập thơ. Tuyển tập *Thơ Nguyễn Duy* (Nguyễn Duy, 2010) tập hợp những bài thơ tiêu biểu của ông, được chia thành 4 phần, với các nhan đề: *Đường*

làng, Đường nước, Đường xa, Đường về. Mỗi phần ứng với mỗi môi trường, không gian mà nhà thơ từng gắn bó, kinh qua trong cuộc đời mình. Trong đó, *Đường xa* gồm 29 bài thơ được sáng tác khi nhà thơ xuất ngoại, chủ yếu vào khoảng nửa sau thập niên 80 và thập niên 90 của thế kỉ XX, khi ông đã từng trải và thành danh (bổ sung thêm 10 bài mới so với *Đường xa*, do Nxb. Trẻ ấn hành năm 1989). Đó là những lời thơ vừa mở ra một thế giới rộng lớn bên ngoài, lại vừa đi sâu vào thế giới bên trong tâm hồn. Đọc những bài thơ *Đường xa*, bạn đọc vừa như được mở rộng tầm mắt, giao lưu với bạn bè quốc tế, vừa được kết nối với truyền thống dân tộc cũng như tiếng lòng của thi sĩ Nguyễn Duy.

2. THƠ ĐƯỜNG XA, ĐI XA VÀ NHÌN VỀ

Đọc những bài thơ *Đường xa*, người đọc như được chu du một vòng thế giới cùng Nguyễn Duy. Nếu như Nguyễn Tuân từng kêu gọi “*lăn cái vỏ mình đi*” để “*thay thực đơn cho giác quan*” (*Thiếu quê hương*) thì Nguyễn Duy cũng tận dụng từng giây phút để vừa đi vừa ngắm khi có cơ hội “*xé dịch*”.

2.1. Vừa đi vừa ngắm

Đọc thơ Nguyễn Duy, chúng ta không khỏi ngạc nhiên khi một “*thi sĩ thảo dân*” (từ dùng của Chu Văn Sơn) như ông lại có cơ hội đi nhiều đến vậy. Những tưởng ông chỉ biết gắn bó với đồng ruộng, với những ngón chân *nhuộm phèn* và thói quen *hay nói về gian khổ*. Ấy thế mà Nguyễn Duy đã đặt chân đến rất nhiều xứ sở khác nhau trên hầu khắp các châu lục. Với Châu Âu, ông đã đi qua Bắc Âu (*Tỉ tẹo Bắc Âu*), Estonia (*Thăm nghĩa trang Talin*), Anh (*London, Mùa phoi, Đường hầm qua biển Manche*), Pháp (*Paris mùa phoi, Cái nhìn từ bảo tàng Louvre, Sông Loa, Giác đầu*), Hà Lan (*Amsterdam mùa phoi*), Hungary (*Đanuýp đỏ*), Thụy Điển (*Nhớ nhà*), Ba Lan (*Chuông chiều*), đặc biệt là Nga (*Mátcova mùa phoi, Trước tượng đài Kiép, Trước tượng Puskin, Giã từ Arêkhôvơ, Gửi lại trường Lômônôxốp, ...*). Với châu Mỹ, ông đã đặt chân đến hầu khắp các bang, thành phố lớn của hợp chủng quốc Hoa Kỳ (Sain Louis, Texas, Boston, New York, Washington, San Diego, San Francisco, Quận Cam, Las Vegas, Mirage, ...) và với châu Á, ông đã đặt chân đến Campuchia (*Apxara – người múa và điệu múa*), chưa kể ông từng chiến đấu nhiều năm tại biên giới Việt – Lào (Nguyễn Duy, 2010).

Mỗi vùng đất ông đi qua đều để lại những dấu ấn trong thơ ông bằng những gì tiêu biểu, ấn tượng nhất. Đó là sự “*thiếu thôn mạc trời*” của Bắc Âu, là sương mù của đất nước Anh, là Khải hoàn môn, là bảo tàng Louvre, nơi hội tụ tinh hoa văn hóa nhân loại, của Pháp, là đấu trường theo phong cách Tây Ban Nha, là dòng Đanuýp đỏ của Hungary, là những ngọn tháp trầm ngâm của Varzsava. Đó là tượng thần Tự do ở New York, là Bức tường Than Khóc nơi khắc tên 600.000 quân nhân Mỹ chết trên chiến trường Việt Nam, là những dấu chân trên đại lộ danh vọng Hollywood với những tên tuổi của các ngôi sao giải trí, là xa lộ kẹt đường, là sông bạc ở Las Vegas của Mỹ. Đó là mùa thu vàng quỳên rừ, là những vĩ nhân, đại văn – thi hào lừng lẫy, ... của Nga. Gần hơn cả là điệu múa Apsara bắt từ của xứ sở chùa tháp, ... (Nguyễn Duy, 2010).

Đặc biệt, Nguyễn Duy còn nhắc nhớ đến những tên người làm về vang cho những vùng đất ấy:

Với Hà Lan, tên tuổi của họa sĩ Van Gogh được gọi nhắc cùng với bức họa nổi tiếng của ông:

“Phoi hồn cảm chướng liêu phiêu

bóng Van Gogh đổ lệch chiều cô đơn”

(Amsterdam mùa phoi)

Với Anh, đó là Thakeray, cha đẻ của bộ tiểu thuyết lừng danh *Hội chợ phù hoa*:

“*Sương mù vén áo Hoàng gia*

Ánh vàng hội chợ phù hoa lập lòe”

(London, mùa phoi)

Hay những họa sĩ thiên tài như Leona de Vinci, Picasso mà kiệt tác của họ ngày nay được lưu giữ trong bảo tàng Louvre của Pháp:

“*Mona Lisa ướp xác màu dầu tù tù kính ngự trị thế giới đẹp*

Vệ nữ đá cụt tay đoạt vương miện nữ hoàng giang sơn đã

...Người đời nhìn em bằng nửa con mắt

Picasso nhìn em bằng rất nhiều con mắt”

(Cái nhìn từ bảo tàng Louvre)

Đặc biệt là Nga, một đất nước của những vĩ nhân được cả thế giới biết đến. Đó là nhà khoa học *Xiônôpaxki*, người đi tiên phong vào vũ trụ:

Người mơ mộng với thiên hà

lại nhằm hưởng Mátcova trở về

(Với Xiônôpaxki)

Là đại thi hào Puskin tài hoa mà bạc mệnh:

Chiếc bóng linh hồn phảng phất đá trầm tư
phảng phất tình yêu – đau khổ - hận thù”

bởi “Lớn vồn đầu đây viên đạn chì Đăngtex”

(Trước tượng Puskin)

Là đại văn hào Lép Tônxtôi “*chọc trời khuấy nước*” bằng những trang viết “*không già*” (“*Già đời đau nổi thể gian/ Chọc trời khuấy nước từng trang không già*”), để rồi khi ra đi, chỉ bình dị “*một ngôi mộ cỏ cánh đồng hoa cúc vàng*” (Với Lép Tônxtôi)

Những vùng đất ấy đã sinh ra những vĩ nhân và họ đã làm rạng danh cho quê hương để rồi tên đất và tên người hòa quyện với nhau:

“Cung điện ngầm ga mét-rô
 các anh hùng và các nhà thơ
 Puskin...Maiacôpxki
 Cutudóp... Kirôp...”

Những tên người sâu trong lòng đất
 thành tên đất sâu trong lòng người”

(Trong đất)

Có thể nói, mỗi bước chân đi xa đều đem về cho nhà thơ bao nhiêu điều mới mẻ, với những hiểu biết phong phú về thế giới rộng lớn bên ngoài, từ thiên nhiên đến văn hóa, xã hội. Đặc biệt, trong lúc say sưa khám phá bao điều mới lạ và ý nghĩa của những vùng đất mới, nhà thơ luôn ý thức rằng con người chính là nhân tố quan trọng tạo nên diện mạo cho những miền văn hóa ấy. Tuy nhiên, không phải bài thơ *Đường xa* nào cũng mô tả những địa danh trên bản đồ thế giới nơi in dấu chân nhà thơ, mà đôi khi chúng chỉ được nhắc đến gián tiếp, như một cái cớ để bộc lộ tâm tình. Thế mới biết, nhà thơ đi không phải chỉ để nhìn ngắm mà còn để chiêm nghiệm, suy ngẫm.

2.2. Vừa đi vừa ngắm

Nếu như Chế Lan Viên từng ví mình như một tháp Bayon bốn mặt, “giấu đi ba còn lại đây là anh” (*Tháp Bay-on bốn mặt*), biểu hiện một đời sống nội tâm phức tạp thì Nguyễn Duy cũng hé lộ thế giới vô cùng phong phú bên trong qua thơ. Trước những tín hiệu thu nhận được từ thế giới xung quanh, bao giờ, nhà thơ cũng nhìn thấy ở đây một ý nghĩa nào đó. Thơ ông, do vậy, thường thể hiện chiều rộng nhận thức và chiều sâu tư tưởng.

Là nhà thơ từng mặc áo lính, Nguyễn Duy có cả một hành trang thơ về đề tài chiến tranh. Ông từng thốt thía rằng:

“Nghĩ cho cùng mọi cuộc chiến tranh
 phe nào thắng thì nhân dân đều bại”

(Đá ơi)

Vì vậy, khi có dịp tìm hiểu lịch sử, văn hóa của một dân tộc khác, ông cũng thường quan tâm đến vấn đề chiến tranh và hòa bình. Đứng trước tượng đài khắc tạc hình tượng người mẹ cầm gươm, nhà thơ không khỏi băn khoăn:

“Sao Người mẹ phải cầm gươm và kiếm?
 một Pôntava mấy cõi chiến trường?”

quần quai những con đường dĩ vãng
 lột chân người dằng dặc máu xương
 ... Ôi bà mẹ tìm gì quanh bia đá
 hieu quanh hoàng hôn đỏ dộc lưng già
 đi mỗi góit kiếp người đầu cũng vậy
 kỳ quan nào không hắt bóng xót xa”

(Trước tượng đài Kiếp)

Người phụ nữ sinh ra với thiên tính nữ và thiên chức của mình, họ là phái yếu, phái đẹp và gắn với những gì dịu dàng, êm đềm nhất. Thế nhưng người mẹ này phải cầm gươm và kiếm, cho dù đó có trở thành kì quan thì điều nghịch lí này cũng khiến người chiêm ngưỡng không khỏi xót xa.

Gặp gỡ các nhà thơ cựu chiến binh Mĩ tại Boston, Nguyễn Duy đã cười mở nhìn nhận họ là:

“Những nhà thơ một thời đối thủ
 may mắn thay không bao giờ là kẻ thù”

Cùng đọc thơ với họ, nhà thơ thẳng thắn tuyên bố:

... Lỗ thủng hồn thơ không thể và lành
 vết thịt rách cứ tươi rói như mới
 tươi rói giọt đau nhỏ xuống trang thơ
 nhắc một thời ngu
 nhắc nhân loại nghỉ chơi trò đỏ máu”

(Bản)

Câu nói như đùa mà thể hiện một suy nghĩ rất nghiêm túc và một thái độ rất dứt khoát về chiến tranh. Chiến tranh không phải trò đùa, vì vậy nếu con người đem nó ra làm trò chơi thì đó chỉ có thể là biểu hiện của một trình độ mông muội hoặc lòng tham và sự hiếu chiến đã khiến con người trở nên ngu si, mù quáng. Nhà thơ và những người bạn trước đây khác chiến tuyến đã nhắc nhở nhân loại một bài học không được phép quên nếu không muốn phải trả giá bằng máu.

Trong một dịp khác, không gặp lại người cùng thời mà gặp một hậu duệ, Nguyễn Duy cũng hồi tưởng:

“Để ta nhớ lại xem nào
 trang sách cũ mùi thuốc súng khét lẹt
 hình như ta đã gặp
 ông nội chú mày trong đại chiến thứ nhất
 ông già chú mày trong đại chiến thứ hai”

(Gặp một người lính trẻ)

Và quan trọng là trong câu chuyện hôm nay, nhà thơ không muốn “kể vài câu chuyện trận mạc” mà thích “kể về miệt vườn nhiệt đới” và:

“Ta muốn nói to một lời chúc thật thà

Chúc chú mày cứ đẹp như cây cảnh

Và, lay trời

Không bao giờ phải ra trận”

(Gặp một người lính trẻ)

Có thể nói, đã quá ngán ngẫm chiến tranh nên nhà thơ không có hứng thú ôn lại những kí ức về một thời đau thương. Ông muốn gác lại quá khứ ấy, hàn gắn vết thương và mau chóng xây dựng một cuộc sống tươi đẹp cho hiện tại và tương lai. Với ông, người lính trận mạc năm xưa chỉ mong các thế hệ con cháu mình nếu khoác áo lính, chỉ cần là lính cảnh vệ, tô điểm và cảnh giới cho một cuộc sống yên bình, no ấm. Như vậy, sẽ không có thêm những thế hệ bị phí hoài tuổi trẻ và mọi người có thể vui vẻ kể cho nhau nghe và rất đỗi tự hào về bản sắc của đất nước, dân tộc mình.

Bên cạnh vấn đề chiến tranh và hòa bình, mối quan hệ giữa cái nhất thời và cái muôn đời cũng hay được nhà thơ chú ý. Trước sức lôi cuốn của vũ điệu *Ápxara*, Nguyễn Duy vẫn tỉnh táo nhận ra “vũ điệu khát khe không chấp nhận sự già” và dù cho:

“Bao nhiêu triệu đại chết đi rồi

bao lớp người vũ nữ chết đi rồi

vũ điệu tuyệt vời đời đời sống mãi”

(*Ápxara* - người múa và điệu múa)

Như vậy, quyền lực và tuổi trẻ, nhan sắc chỉ là nhất thời, chỉ có “cái đẹp giương cao ngọn cờ bất diệt”.

Thăm thành phố Leningrat, nhà thơ lại một lần nữa khẳng định sự hữu hạn của quyền lực, kể cả quyền lực của một ông vua. Chỉ có điều, đó là một ông vua xưa, Pyotr (Piôt) Thứ Nhất, người “vừa làm vua vừa làm thợ”, đã cùng cưa ngà gỗ dựng thành phố, cùng cõng lang thang học nghề, cùng búa đóng tàu viễn dương, cùng thước làm nên các cỗ máy (Gặp một ông vua xưa). Vì lẽ đó, tên tuổi của ông không chỉ được khắc vào gỗ sồi già, mà còn ghi tạc trong lòng nhân dân Nga suốt hơn ba trăm năm qua.

Dừng chân ở Talin, thủ đô của Estonia, thăm một nghĩa trang trong rừng thông, Nguyễn Duy cũng nhận thấy điều diệu ngộ giữa cõi siêu thoát:

“Chủ tịch nước đầu tiên nằm cạnh bác đánh cờ

Người thợ dệt kề bên nhà nghệ sĩ...”

(Thăm nghĩa trang Talin)

Họ đã “sống yên vui và nằm xuống yên lòng...”, bình đẳng và bác ái không chỉ khi sống mà còn cả khi chết. Đó mới là vẻ đẹp giản dị mà vĩnh cửu.

Bên cạnh những vấn đề lớn lao, những triết lí của cuộc đời, Nguyễn Duy còn hay suy ngẫm về điều mới lạ, khác với vốn kiến thức và kinh nghiệm của bản thân cũng như những điểm tương cận, kết quả của một sự liên tưởng, khái quát. Qua đó, chúng ta có thể nhận diện được những điểm tương đồng và khác biệt giữa đặc điểm tự nhiên và xã hội của các nước, đồng thời, thấy được ở nhà thơ một người ham tìm tòi, khám phá, và một người thâm trầm, sâu sắc.

Cũng trong chuyến đi đến thành phố Talin, Nguyễn Duy đã ghi lại một kỉ niệm nho nhỏ vào bài thơ *Tiếng gõ*. Nhà thơ đã có một cuộc giao tiếp đặc biệt khi bất giác có chú chim hải âu mổ vào kính cửa sổ. Đáp lại sự bối rối của nhà thơ khi không có gì cho chim ngoài những mẩu vụn bánh mì đêm trước là sự dễ dãi, thân thiện của con chim biển:

“Con chim biển gặt gù

Được ... được ... được”

(*Tiếng gõ*)

Vẫn với cái “chất hài hước thấm vào máu, tạo nên nguồn mạch trong tư duy thơ, cho nên anh nhìn vào đâu, vào bất cứ cái gì cũng hé lộ sự hài hước, âu đó cũng là phần bản chất của đối tượng” (Lê Thị Thanh Đạm, 2009, tr.102), Nguyễn Duy đã thuật lại cho ta một câu chuyện tưởng như vặt vãnh mà lại rất thú vị. Càng ngạc nhiên hơn khi nhà thơ phát hiện ở cửa sổ tòa nhà nào cũng có chim đến đòi ăn. Từ thực tế ngộ nghĩnh ấy, nhà thơ đã bộc bạch:

“Quê tôi chiến tranh kéo dài

chim trời tới nhà là điếm lạ

ở đây chả có gì lạ cả

nhìn lên nhà Ôlempia

mọi cửa sổ của người đều có chim tới gõ”

(*Tiếng gõ*)

Đó hẳn là một môi trường lí tưởng khi tự nhiên được bảo vệ, được trân trọng và hài hòa với con người. Điều đó xuất phát từ quan niệm của con người và lâu dần trở thành bản sắc văn hóa, đặc biệt là do nhận thức của con người mà hình thành nên lối sống văn minh. Bản sắc văn hóa thì dân tộc nào cũng có, nhưng để đối xử văn minh với thế giới tự nhiên, có lẽ không phải nơi nào, lúc nào cũng có.

Từ festival Feria de Nimes năm 1996, Nguyễn Duy đã bày tỏ nỗi bức xúc của mình trước hội đấu bò:

*“Không thể hiểu tại sao nhiều vui sướng thế
Khi người ta chiến thắng một con bò
Không thể hiểu tại sao nhiều điên cuồng đến thế
Khi đàn bò giết chết nỗi cô đơn...”*

(Giác đấu)

Người đời vui sướng, điên cuồng bao nhiêu, nhà thơ càng đồng cảm với nỗi cô đơn, tuyệt vọng của những con bò bấy nhiêu. Sự đối lập ấy cũng chính là sự đối lập giữa một đất nước tiên bộ, văn minh với những tập tục còn mang tính dã man, phi nhân đạo. Nhà thơ cũng đem cái nhìn “thấu thị” ấy khi đến đường hầm qua biển Manche tại London vào năm 1996. Ông viết:

*“Ta đang đi qua con đường không bình thường
Không tầm thường
Hè nhau đi guốc vào bụng vũ trụ
Tọc mạch cõi khác
Người trái đất loay xoay tít mù ngoài trái đất
Nào ai xuyên tim đen hành tinh
Hội chứng mù lòng tối chính mình”*

(Đường hầm qua biển Manche)

Nhà thơ ý thức được rằng đây là một công trình kì vĩ của con người, được thực hiện ở một vị trí vô cùng đặc biệt “*cách mặt nước vài trăm thước*”, “*cách đáy biển vài trăm thước*”. Đó là một cuộc khai phá “*xuyên tim đen hành tinh*”, để phục vụ cho nhu cầu đi lại của con người nhằm phát triển kinh tế, xã hội. Từ vị trí đó, nhà thơ đã tỏ ý đồng tình với những dự án, công trình có tính chất cách mạng, vừa khai thác tiềm năng của Trái đất, vừa khám phá khả năng của con người.

Có thể nói, đi đến đâu, Nguyễn Duy cũng say sưa tìm tòi những cái mới lạ của xứ người nhằm mở rộng vốn hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân

nhưng bằng sự từng trải và cá tính của mình, nhà thơ luôn thể hiện những suy tư nhằm đào sâu, mở rộng vấn đề. Điều đó, một mặt giúp độc giả có thể nhận thức được thế giới bên ngoài, những nơi nhà thơ đã thăm thú, vừa nắm bắt được thế giới bên trong của nhà thơ với những nỗi niềm này sinh trên bước đường xa xứ.

Trên những bước đường xa xứ, có nhiều điều mới lạ đến mức khiến nhà thơ choáng ngợp. Khó nói hết sự kinh ngạc của người con của xứ sở nhiệt đới lần đầu gặp tuyết, Nguyễn Duy đã buột miệng thốt lên:

*“Ôi giờ ơi...nồn nà chưa
Bột trinh bạch đầy – trời vừa rây xong
Hình như gò trắng phập phồng
Bao nhiêu con gái ngủ trong tuyết này
...mùa đông tuốt hết thịt da rùng rày
Mùa xuân biệt xứ lâu ngày
Để hàng cây bạc lông mày chờ mong”*

(Trắng... và trắng...)

Lối ví von, nhân hóa và giọng thơ có chút tình nghịch đủ tỏ rõ sự thích thú của nhà thơ trước một hiện tượng tự nhiên đặc thù của xứ ôn đới. Nhưng bên cạnh sự phấn khích trước những cái mới lạ ấy, nhà thơ cũng có lúc bình tâm mà nhận thấy có điểm tương đồng giữa vẻ đẹp của mùa thu và nỗi niềm trước cảnh thu ở *Mátxcova* với ở quê nhà:

*“Bạn đi như sợ lỗ làng
Mùa thu đi trước lá vàng theo sau
Buồn vui đâu cũng giống nhau
Lẻ loi kim tước chân cầu ngủ mơ
Vàng long lanh chớp nhà thờ
Vàng rơi trên mái tóc người đi qua”*

(Chút thu vàng)

Thậm chí, chân bước trên đất Strabourg, Nguyễn Duy cũng chẳng màng để tâm đến những cái khác lạ nữa mà tâm trí ông đang nhường chỗ cho việc khám phá ra điểm tương đồng của tự nhiên cũng như tình cảm con người:

*“Trời đâu cũng rộng như nhau
Mưa đâu cũng ướt nắng đâu cũng vàng
Gió đâu cũng gió lang thang*

Người đầu yêu cũng nông nân như yêu”

(Chỉ khác nhau cái nhìn, em ạ...)

Có lẽ, nhìn thấy ở xứ người những điểm tương đồng với quê nhà là bởi trong lòng nhà thơ luôn canh cánh nỗi nhớ quê hương. Khi hình ảnh quê hương vẫn luôn hiện hữu trong tâm trí thì mỗi bước chân đi xa lại nôn nóng những bước chân quay về. Chính vì vậy, trong thơ Nguyễn Duy, bạn đọc luôn bắt gặp một “gã lang thang” vừa đi vừa nhớ.

2.3. Vừa đi vừa nhớ

Nếu như với nhà thơ chân quê Nguyễn Bình, mỗi bước xa quê như có chút hối lỗi “*Tôi đi đàn diều với kinh thành*” (*Hoa với rượu*) thì với Nguyễn Duy, mỗi bước xa quê hương lại trĩu nặng nỗi nhớ nhung, từ nhớ món ăn dân dã mang hương vị quê nhà, nhớ những cảnh sinh hoạt quen thuộc với những người thân trong gia đình và bạn hữu, cho đến nhớ món nợ non sông với đất nước còn nghèo nàn, lạc hậu cần lắm sự đổi thay, xây dựng.

Trong nỗi lòng của người xa xứ, có lẽ nỗi nhớ hương vị quê nhà là một nỗi nhớ ai cũng từng trải qua. Sống trong một nền văn hóa khác cũng đồng nghĩa với việc làm quen với khẩu vị mới. Cho dù thích nghi hay không thì khi bắt gặp được hương vị truyền thống của quê hương, họ không khỏi mừng vui khôn tả. Giữa thành phố Dresden của Đức, nhà thơ Nguyễn Duy đã tỏ ra hết sức hạnh phúc khi được thưởng thức những món dân dã, đậm bạc:

Đi đâu rồi cũng gặp nhau

Nhìn đâu rồi cũng thấy rau tạp tàng

...Rau muối là rau muối ơi

Không dung cuối đất cùng trời theo nhau

(Rau muối)

Chút rau muối nhỏ nhoi nhưng là sứ giả của cả một nền ẩm thực bình dân mà hấp dẫn khiến đi cùng trời cuối đất, người Việt không thể không mang theo hay săn tìm. Đó không phải là thói quen khó thay đổi mà chính là sự gắn bó với quê hương, cội rễ.

Những miền đất mới không phải không đem lại sự phấn khích cho thi sĩ, nhưng sau những phút “mất hồn”, nhà thơ lại “hoàn hồn”. Gặp sòng bạc tại Las Vegas, nhà thơ cũng lao vào cuộc đò đen để thử vận may, nhưng chẳng lâu sau đã:

“Lạy cả nón đỏ đen chào thua thiên đường rờm

Xin tụt về trần thế với em thôi”

(Mirage)

Đứng trước cảnh tượng thiếu nữ tắm nắng, thi sĩ không khỏi xôn xang. Trong mắt nhà thơ, “*Hình như đất dư thừa mọi thứ*” khi bày biện phơi *cỏ xanh, hoa thắm, cành chồi* dưới nắng, còn “*em chỉ thiếu thốn mặt trời*” khi bày biện phơi *tóc bạch kim, da trắng bóc* và “*linh kinh vài ba thứ khác*”, khiến nhà thơ ao ước:

“Ta phù phép hóa thân nắng ấm

Phủ làn da run rẩy đôi mắt trời”

(Tỉ tẹo Bắc Âu)

Thế nhưng, sau những những phút mơ say, nhà thơ lại trở về với hình ảnh vợ con nheo nhóc. Được hít thở bầu không khí trong lành của Stockholm, nhà thơ lại thấy nhớ cái không khí bụi bặm, ô nhiễm của quê nhà:

“Đâu những lối mòn lầy lưa quen chân

Mùi ô nhiễm quen thường trực mũi

Te tua cái nhìn và vùi quen mắt

Vợ ta cầu nhau con ta nhắc học

Nước mắm gắt góc bếp ám khói

Chó vàng ngoáy đuôi chào mừng ta về nhà”

(Nhớ nhà)

Chưa hết, ông còn nhớ quán bia hơi “*giật giữ phiên muộn*”, nhớ “*thợ giặt ruột lạnh nghề bạn nhậu chung thủy*”, ... Bên cạnh những thứ thân quen lam lũ, nhếch nhác, được gọi nhắc bằng một giọng xuề xòa, giễu cợt mà thâm thiết, còn có một món nợ với non sông mà nhà thơ tự thấy có trách nhiệm gánh vác, được nhắc nhớ bằng một giọng hết sức nghiêm chỉnh, xót xa:

“Ta nhớ ta còn cảm những món nợ lớn

Nơi đồi núi trọc lóc xơ xác

Nơi thừa ruộng bạc phéch nứt nẻ

Nơi dòng nước cạn kiệt tôm cá

Nơi đám mây chưa kịp mộng thành mưa”

(Nhớ nhà)

Cảnh quê nhà tuy nghèo khó, kiệt quệ là vậy nhưng nó lại khiến nhà thơ được là chính mình:

“Không thể sống nổi đời người khác

Ta nhớ cuộc đời ta

Ta nhớ ta

Bụi bặm quê nhà”

(Nhớ nhà)

Được là mình, được thực hiện nghĩa vụ của mình đối với đất nước chính là hạnh phúc to lớn mà khi xa nước, người ta mới ý thức được một cách trọn vẹn. Nhà thơ đã coi những chuyến đi xa chính là cơ hội để nhìn về đất nước từ một góc nhìn khác. Tiếp xúc với những nền văn minh lớn, nhà thơ mới có thể nhận thức đầy đủ và khách quan về những điều nghịch lí đang tồn tại:

*“Xứ sở nhân tình
Sao thật lắm thương binh đi kiếm ăn đủ kiểu
...Xứ sở linh thiêng
Sao thật lắm đình chùa làm kho hợp tác
...Xứ sở thông minh
Sao thật lắm trẻ con thất học
...Xứ sở thật thà
Sao thật lắm thứ điếm
...Xứ sở cần cù
Sao thật lắm Lăn Ông
...Xứ sở bao dung
Sao thật lắm thần dân lia xìt
...Xứ sở kì cương
Sao thật lắm thứ vua*

(Nhìn từ xa... Tổ quốc!)

Phải có trách nhiệm với đất nước biết mấy, ông mới cất lên tiếng nói phản tỉnh mạnh mẽ như vậy. Nếu như tính nhân dân và tính dân tộc của văn chương không chỉ thể hiện qua những lời tụng ca mà nó còn được thể hiện sâu sắc ở việc chỉ ra những hạn chế của nhân dân, những khiếm khuyết của dân tộc thì thơ Nguyễn Duy hẳn đã thể hiện được tính nhân dân và tính dân tộc cao độ. Tất nhiên, “đó chỉ là những cái nghịch lí, trái khoáy mà Nguyễn Duy phát hiện ra ở xã hội, ở thời buổi mình đang sống được nói đến bằng một cách nói nửa nghiêm trang nửa đùa cợt, để sửa chữa, để tổng tiền cái hạn chế, cái lạc hậu “một cách vui vẻ”. Thơ Nguyễn Duy, nhờ đó, có tính thời sự, có giá trị hiện thực và tác dụng nhận thức rõ nét mà vẫn hóm hỉnh, dí dỏm” (Nguyễn Thị Hồng Hạnh & Tạ Chí Hào, 2011, tr.121). Hơn nữa, trước bao nhiêu thách thức đặt ra, nhà thơ vẫn một lòng tin tưởng vào tương lai của đất nước:

*“Dù có sao
Vẫn Tổ Quốc trong lòng
Mạch tâm linh trong sạch vô ngần*

Còn thơ còn dân

Ta là dân – vậy thì ta tồn tại

...Dù có sao

Đừng thờ dài

Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây”

(Nhìn từ xa Tổ quốc)

Chỉ cần có lòng với Tổ quốc, chỉ cần tiếng thơ cất lên giữa nhân dân, vì nhân dân thì không chỉ ta, thơ ta mà đất nước ta sẽ có hi vọng. Nguyễn Duy không chỉ nói cho riêng mình mà còn nhân danh chúng ta, nhân dân ta và Tổ Quốc ta. “*Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây*”, câu ca xưa “*vọng về*” trong thơ Nguyễn Duy (Phạm Thu Yên, 1998) như một lời khích lệ, thể hiện tinh thần lạc quan vốn làm nên sức mạnh bao đời của người Việt Nam.

3. KẾT LUẬN

Đôi mắt Nguyễn Duy đã được mục kích bao điều thú vị ở nhiều nơi trên thế giới nhưng vẫn đắm đuối hướng về quê nhà. Đọc thơ ông, người đọc như được theo chân nhà thơ khám phá những điều kì thú của những xứ sở khác, đồng thời hiểu được tâm sự của người con xa xứ luôn nặng lòng với quê hương. Từ những bài thơ “nhật kí đi sứ”, Nguyễn Duy đã thể hiện một tinh thần quốc tế cởi mở, sẵn sàng học hỏi, giao lưu với bạn bè năm châu, khép lại những kí ức không đẹp của dĩ vãng để hướng tới một thế giới đại đồng, quan tâm đến những vấn đề chung của nhân loại cũng như phát hiện ra vẻ đẹp đặc trưng của mỗi nền văn hóa. Bên cạnh đó, thơ ông cũng thể hiện một tinh thần dân tộc sâu sắc, vừa gắn bó, tự hào với những nét đẹp của quê hương, vừa có trách nhiệm với những tình trạng nghèo nàn, lạc hậu của đất nước. Yêu đất nước và đồng bào bao nhiêu, khát vọng và hi vọng về tương lai tươi sáng của đất nước trong ông càng lớn bấy nhiêu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Duy. (2010). *Thơ Nguyễn Duy*. Nxb. Hội Nhà văn. 420 trang.
- Lê Thị Thanh Đạm. (2009). *Đặc điểm thẩm mĩ thơ Nguyễn Duy* (chuyên luận), Nxb. Văn học. Hà Nội. 206 trang.
- Nguyễn Thị Hồng Hạnh & Tạ Chí Hào. (2011). Chất hài hước trong thơ Nguyễn Duy, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 18a, 118-127.
- Phạm Thu Yên. (1998). Ca dao vọng về trong thơ Nguyễn Duy. *Tạp chí Văn học*, 7, 77-81.